

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN BẮC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTHERN COMMUNICATION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NORTHERN COMMUNICATION AND TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107261364

3. Ngày thành lập: 22/12/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 5C1, khu tập thể khảo sát thiết kế mỏ, tổ 12, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 046632845555

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
2.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
5.	Sản xuất đồng hồ	2652
6.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ loại Nhà nước cấm)	2011
7.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Sản xuất các loại trà thảo dược;	1079
10.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
11.	In ấn	1811
12.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay;	5229
14.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, cát, đá, sỏi, xi măng, gạch xây, sơn, véc ni, kính xây dựng, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; ống nổi, khớp nối, chi tiết lắp ghép; thiết bị lắp đặt vệ sinh;	4663
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
19.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	4761
23.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
27.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5629
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
29.	Xuất bản phần mềm	5820
30.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	5920
31.	Lập trình máy vi tính	6201
32.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Xây dựng nhà các loại	4100
35.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
36.	Xây dựng công trình công ích	4220
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
38.	Phá dỡ	4311

39.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
46.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
47.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
48.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
50.	Bán mô tô, xe máy	4541
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ loại Nhà nước cấm)	4652
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị y tế;	4659
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
63.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8560
64.	Quảng cáo	7310
65.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	7420

66.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô;	7710
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng;	7730
68.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
69.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh lữ hành quốc tế;	7912
70.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
71.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8211
72.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
73.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 98.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THỊ THỦY	Thôn Đô Tân, Xã Bắc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.800.000	10,00	012460244	
2	LÊ THỊ ĐÔNG	Xóm Hộ Sơn, Xã Nam Tiến, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	88.200.000	90,00	090158075	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: VŨ THỊ THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 14/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012460244

Ngày cấp: 19/06/2001

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Đô Tân, Xã Bắc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Đô Tân, Xã Bắc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội